

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 32/2020/HSST

Ngày: 03 - 02-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường

Ông Phạm Văn Tiến

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Xuân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2019/HSST, ngày 27 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1987.

HKTT và Nơi ở hiện nay: Đường T, phường N, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1961 và bà Lê Thị D, sinh năm 1962; Có vợ là Lê Thị Ngọc M; Có 01 con sinh năm 2007; Tiền án: Ngày 10 tháng 12 năm 2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 27 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Ngày 28 tháng 11 năm 2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 05 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27 tháng 4 năm 2010 bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 10/9/2019 đến ngày 16/9/2019 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

2. Hoàng Ngọc Đ, sinh năm 1986.

HKTT và Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Ngọc Th (Đã chết) và bà Hoàng Thị Kh, sinh

năm 1943; Chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 19 tháng 4 năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 16 tháng 10 năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 08 tháng 9 năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xử phạt 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/02/2019.

Tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ từ ngày 11/9/2019 đến ngày 17/9/2019 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

3. Nguyễn Anh T, sinh năm 1984

HKTT và Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; Có vợ là Nguyễn Thị H; Có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 11/9/2019 đến ngày 17/9/2019 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

4. Hoàng Đức M, sinh năm 1973.

HKTT và Nơi ở hiện nay: Đường T, phường H, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Kim Kh (Đã chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1943; Có vợ là Hà Thị T (Đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06 tháng 01 năm 2005 bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc 12 tháng tại Trung tâm giáo dục LĐXH tỉnh Thanh Hóa; Ngày 11 tháng 9 năm 2008 bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc 24 tháng tại Trung tâm giáo dục LĐXH tỉnh Thanh Hóa; Ngày 23 tháng 11 năm 2011 bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc 24 tháng tại Trung tâm giáo dục LĐXH tỉnh Thanh Hóa; Ngày 26 tháng 6 năm 2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 27 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị bắt tạm giam từ ngày 30/10/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

5. Nguyễn Thế A, sinh năm 1991.

HKTT và Nơi ở hiện nay: Đường A, phường T, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1957, có vợ là Ngô Thị Ngọc Tr; Có 02 con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08 tháng 9 năm 2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 11 tháng 05 ngày tù giam về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Ngày 10 tháng 4 năm 2011 bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh nhau gây thương tích”.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1965. Có mặt.
2. Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1981,
3. Anh Kiều Văn M, sinh năm 1972. Vắng mặt.
4. Chị Lê Thị M, sinh năm 1971. Vắng mặt.
5. Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1983 . Vắng mặt.
6. Ông Phạm Văn Ng, sinh năm 1956. Vắng mặt.

Cùng trú tại : Thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 8 năm 2019 đến tháng 9 năm 2019, Nguyễn Văn C, Hoàng Ngọc Đ và Nguyễn Anh T đã có hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Sau đó các đối tượng mang xe trộm cắp được đến bán cho Hoàng Đức M và Nguyễn Thế A để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Ngày 25/8/2019, Nguyễn Văn C và Nguyễn Anh T đi bộ đến khu vực ngã ba bia, phường T, thành phố H. Nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jiulong, BKS 36H2-3537 của anh Nguyễn Văn Ph đang dựng trên vỉa hè phía vườn hoa ngã ba bia không có người trông coi. T đứng ngoài cảnh giới còn C đi đến nơi để xe, dùng chìa khóa đã chuẩn bị sẵn mở ổ khóa điện, nổ máy lấy trộm chiếc xe sau đó mang đến bán cho Hoàng Đức M. M biết xe không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc nhưng vẫn mua với mục đích bán kiếm lời.

Tại kết luận định giá tài sản số 232/KL-HĐ ĐGTS ngày 13/9/2019, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá chiếc xe có giá trị 2.375.000đ.

- Vụ thứ hai: Ngày 26/8/2019, Nguyễn Văn C và Nguyễn Anh T đi bộ đến số nhà 52 đường L, phường S, thành phố H. Nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, BKS 36K6-5352 của anh Nguyễn Xuân V đang dựng trên vỉa hè không có người trông coi. T đứng ngoài cảnh giới còn C đi đến nơi để xe, dùng chìa khóa đã chuẩn bị sẵn mở ổ khóa điện, nổ máy lấy trộm chiếc xe sau đó mang đến bán cho Hoàng Đức M. M biết xe không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc nhưng vẫn mua với mục đích bán kiếm lời.

Tại kết luận định giá tài sản số 347/KL-HĐ ĐGTS ngày 25/11/2019, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá chiếc xe có giá trị 1.350.000đ.

- Vụ thứ ba: Khoảng đầu tháng 9 năm 2019 Nguyễn Anh T đi bộ đến Công viên H thuộc phường T, thành phố H. Nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu đỏ đen, BKS 36M8-2113 của anh Kiều Văn M đang dựng ở trước sân

tổ chức sự kiện của nhà hàng D không có người trông coi. T đi đến nơi để xe, dùng chìa khóa đã chuẩn bị sẵn mở ổ khóa điện, nổ máy lấy trộm chiếc xe sau đó Tuấn tháo biển kiểm sát mang đến bán cho Hoàng Đức M. M biết xe không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc nhưng vẫn mua với mục đích bán kiếm lời.

Tại kết luận định giá tài sản số 347/KL-HĐ ĐGTS ngày 25/11/2019, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá chiếc xe có giá trị 10.010.000đ.

- Vụ thứ tư: Tối ngày 08/9/2019, C đi bộ đến trước Cửa hàng ăn C tại đường đại lộ L, phường Đ, thành phố H. Nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave ZX màu đỏ đen, BKS 36L6-6574 của chị Nguyễn Thị M đang dựng trước cửa hàng không có người trông coi. C đi đến nơi để xe, dùng chìa khóa đã chuẩn bị sẵn mở ổ khóa điện, nổ máy lấy trộm chiếc xe sau đó tháo biển kiểm sát. C quay lại quán nét ở đường N để gặp T, sau đó cả hai mang đến bán cho Nguyễn Thế A. Thế A biết xe không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc nhưng vẫn mua với mục đích bán kiếm lời.

Tại kết luận định giá tài sản số 234/KL-HĐ ĐGTS ngày 13/9/2019, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá chiếc xe có giá trị 4.000.000đ.

- Vụ thứ năm: Sáng ngày 10/9/ 2019 Nguyễn Văn C đi bộ đến Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa thuộc phường Tr. Nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu vàng đen, BKS 36P3-4897 của anh Nguyễn Đức V đang dựng ở trước khoa phụ sản không có người trông coi. C đi đến nơi để xe, dùng chìa khóa đã chuẩn bị sẵn mở ổ khóa điện, nổ máy lấy trộm chiếc xe mang về nhà cất giấu, tháo biển kiểm sát và sơn lại chiếc xe thành màu đen để không bị phát hiện. Sau đó C đã đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp chiếc xe cùng biển kiểm sát cho cơ quan điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản số 234/KL-HĐ ĐGTS ngày 13/9/2019, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá chiếc xe có giá trị 11.700.000đ.

- Vụ thứ sáu: Chiều ngày 10/9/2019, Nguyễn Anh T cùng Hoàng Ngọc Đ đi bộ đến trường THCS xã Q, thành phố H. Nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Weve S màu đỏ đen BKS 36N9-7907 của ông Nguyễn Văn Ng đang để trong nhà gửi xe của trường không có người trông coi. T đứng ngoài cổng trường đợi còn Đ đi đến nơi để xe, dùng vạm phá ổ khóa điện, nổ máy lấy trộm chiếc xe rồi chạy về thành phố H, tháo biển kiểm sát. Sau đó T gọi điện chào bán chiếc xe cho Nguyễn Thế A. Mặc dù biết xe do trộm cắp mà có, không rõ nguồn gốc, ổ khóa bị loét, giá bán rẻ hơn so với giá thực tế nhưng Thế A vẫn mua với giá 1.500.000đ để sử dụng. Sau khi được thông báo chiếc xe là vật chứng của vụ án hình sự, Thế A đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra chiếc xe trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 233/KL-HĐ ĐGTS ngày 13/9/2019, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá chiếc xe có giá trị 3.200.000đ.

Đối với Nguyễn Anh T và Nguyễn Văn C lấy trộm chiếc xe BKS 36K6-5352. Giá trị tài sản trộm cắp là 1.350.000đ, chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Anh T, do đó Công an thành phố H đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Anh T về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Quá trình điều tra, các đối tượng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại tài sản cho bị hại. Các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự.

Hoàng Đức M và Nguyễn Thế A cũng không có yêu cầu bồi thường gì đối với số tiền mua xe của các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 vạm phá khóa, 01 công vạm của Nguyễn Anh T để chờ xử lý theo quy định.

Tại cáo trạng số 18/CT-VKS, ngày 26/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa truy tố: Nguyễn Văn C, Hoàng Ngọc Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; Nguyễn Anh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; Hoàng Đức M và Nguyễn Thế A về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với C.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với T;

Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với M và Thế A.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Hoàng Ngọc Đ và Nguyễn Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Các bị cáo Hoàng Đức M và Nguyễn Thế A phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Đề nghị xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Văn C từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù;

Hoàng Ngọc Đ từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù;

Nguyễn Anh T từ 24 tháng đến 30 tháng tù;

Hoàng Đức M từ 18 tháng đến 24 tháng tù;

Nguyễn Thế A từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Và đề nghị xử lý vật chứng.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận:

Từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 9 năm 2019, trên địa bàn thành phố H, tỉnh Thanh Hóa, các đối tượng Nguyễn Văn C, Nguyễn Anh T và Hoàng Ngọc Đ đã có hành vi trộm cắp tài sản, sau đó đem bán cho Hoàng Đức M và Nguyễn Thế A.

Bị cáo C đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, trị giá các lần trộm cắp là 19.425.000đ; Trong đó C thực hiện một mình 01 vụ trộm cắp tài sản có giá trị 11.700.000đ, C và T trộm cắp 03 vụ, giá trị tài sản trộm cắp là 7.725.000đ;

Bị cáo T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp cùng C có giá trị 6.375.000đ, thực hiện một mình 01 vụ trộm cắp tài sản có giá trị 10.010.000đ; cùng Đ thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản có giá trị 3.200.000đ.

Bị cáo Đ thực hiện trộm cắp cùng T 01 vụ có giá trị 3.200.000đ.

Đối với Hoàng Đức M tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có 03 vụ, tổng giá trị tài sản là 13.735.000đ, trong đó mua của T và C 02 xe mô tô trị giá 3.725.000đ; mua của T 01 xe mô tô trị giá 10.010.000đ.

Đối với Nguyễn Thế A tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 02 vụ. Tổng giá trị tài sản là 7.200.000đ, trong đó mua của C và T 01 xe mô tô trị giá 4.000.000đ, mua của T và Đ 01 xe mô tô trị giá 3.200.000đ

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn C, Hoàng Ngọc Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; Nguyễn Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; Hoàng Đức M và Nguyễn Thế A phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Hoàng Ngọc Đ và Nguyễn Anh T là người có sức khỏe, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, không chịu tu chí làm ăn, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của người khác, lén lút trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện tính táo bạo, liều lĩnh, gây dư luận xấu trong nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác.

Hành vi trộm cắp của Nguyễn Văn C gây thiệt hại tài sản có giá trị 19.425.000đ, tuy nhiên bị cáo đang có 02 tiền án, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên áp dụng khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi trộm cắp tài sản của Hoàng Ngọc Đ gây thiệt hại tài sản có giá trị 3.220.000đ, tuy nhiên bị cáo đang có 03 tiền án, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên áp dụng khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của Nguyễn Anh T phạm tội lần đầu, trị giá tài sản trộm cắp có giá trị dưới 50.000.000đ nên áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hoàng Đức M và Nguyễn Thế A biết rõ tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nhưng vì hám lời nên đã mua nhằm mục đích bán và sử dụng đã gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, tiếp tay cho các đối tượng trộm cắp tài sản.

Các bị cáo C, Đ, M, Thế A đều có nhân thân xấu, đã từng bị xử lý nhiều lần về hành vi vi phạm nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, chứng tỏ coi thường pháp luật. Do đó phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

[4] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền.

[5] Xét vai trò của các bị cáo: Đối với vụ án trộm cắp tài sản có đồng phạm nhưng mang tính chất đơn giản, không có sự bàn bạc và phân công nhiệm vụ. Các bị cáo đều thực hành tích cực nên có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Anh T, Hoàng Đức M và Nguyễn Thế A phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Văn C, Hoàng Ngọc Đ, Nguyễn Anh T đã đến cơ quan điều tra đầu thú; Bị cáo T có bố đẻ là thương binh nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, nên được áp dụng chung tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với tính chất vụ án nghiêm trọng, xét cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về phần dân sự: Tài sản các bị cáo trộm cắp đã được trả lại cho chủ sở hữu. Bị hại đã nhận lại tài sản và không có thắc mắc, yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hoàng Đức M và Nguyễn Thế A không có yêu cầu gì đối với số tiền mua xe nên không xem xét.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 tay vịn và 01 tay công là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Văn C;

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Hoàng Ngọc Đ;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Anh T;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Hoàng Đức M và Nguyễn Thế A.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Hoàng Ngọc Đ và Nguyễn Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Các bị cáo Hoàng Đức M và Nguyễn Thế A phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Văn C 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/9/2019.

Hoàng Ngọc Đ 03 (Ba) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2019.

Nguyễn Anh T 02 (Hai) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2019.

Hoàng Đức M 02 (Hai) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/10/2019 .

Nguyễn Thế A 18 (Mười tám) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt chấp hành bản án.

Về phần bồi thường dân sự: Các bị hại không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu huỷ 01 tay văm bằng kim loại và 01 tay công bằng kim loại. Các vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 64/THA/2020 ngày 14/01/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá và Công an thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14.

Các bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo và bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Cục THA TP H;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Trương Thị Anh

